

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2018-HNGĐ- ST

Ngày: 16/03/2018

V/v " ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Tin

Bà Phạm Thị Chuộng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Bầy- Thư ký Tòa án

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2017/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc " ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

N đơn: Chị Ngô Thị Th, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn X, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Phạm Sỹ N, sinh năm 1967

ĐKKHKT: Thôn X, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(chị Th và anh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của N đơn là anh Ngô Thị Th và bị đơn là anh Phạm Sỹ N trình bày: Anh, Chị kết hôn từ ngày 25/12/1988 là do tự nguyện và được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, nhưng đến nay không còn lưu giữ được giấy đăng ký kết hôn. Anh, chị đã đến xã đề nghị xin cấp bản sao, hiện nay UBND xã L không lưu giữ được sổ gốc lên không sao lục được. Đến nay anh, chị cũng không có bằng chứng gì để làm căn cứ cung cấp cho Tòa án.

Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận đến năm 1994 thì phát

sinh mâu thuẫn, N nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau luôn xảy ra mâu thuẫn bất đồng, mỗi người có cách làm và cách nghĩ khác nhau nên không bảo ban nhau được cách làm ăn cũng như sinh hoạt hàng ngày. Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không có tiếng nói chung, năm 2002 chị Th đã bỏ về bố mẹ đẻ ở, sau đó mỗi người đi làm một nơi tự lo cuộc sống của riêng mình, đồng thời cũng chấm dứt mọi quan hệ từ đó. Nay chị Th và anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Th và anh N có 02 con chung là Phạm Văn Ng, sinh năm 1991; Phạm Thị T, sinh năm 1994 các cháu đều đã trưởng thành, chị Th và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; tài sản riêng; vay, nợ chung: Chị Th và anh N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. N đơn, bị đơn đều chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 14,15,16 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; về quan hệ hôn nhân: Xứ không công nhận chị Ngô Thị Th và anh Phạm Sỹ N là vợ chồng; về quan hệ con chung: Các cháu đã trưởng thành không đặt ra việc giải quyết; về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: Chị Th phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng:** Tại phiên tòa chị Ngô Thị Th và anh Phạm Sỹ N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 01, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị Th và anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Th và anh Phạm Sỹ N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, mặc dù anh N và chị Th chung sống với nhau là tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thời gian chung sống hạnh phúc và có con chung nhưng do hai bên không thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do vậy cần áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình xử không công nhận chị Th và anh N là vợ chồng là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Chị Th và anh N có 02 con chung là Phạm Văn Ng, sinh năm 1991 và Phạm Thị T, sinh năm 1994. Hiện các cháu đã trưởng thành nên không đề cập việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ chung; công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình(bên vợ, bên chồng). Hai bên tự

thỏa thuận không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Ngô Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14,15,16 Luật hôn nhân gia đình; khoản 01 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Th và anh N là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Không đặt ra việc giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ chung; công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình(bên vợ, bên chồng). Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Ngô Thị Th phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001268 ngày 06/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Chị Th đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: N đơn và bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thụy